

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 05 - 02 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Chớ

2. Ông Hoàng Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thu V**, sinh năm 1998; vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp R, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; vắng mặt.

2.2. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1987; vắng mặt.

HKTT: Tổ 9, ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ 1, ấp H, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Thu V trình bày:

Vào các năm 2019, 2020, chị có cho vợ chồng anh H, chị T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/4/2019, anh H, chị T vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/10/2019 sẽ trả.

Lần 2: Ngày 20/10/2019, anh H, chị T vay 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/11/2019 sẽ trả

Lần 3: Ngày 21/11/2019, anh H, chị T vay 30.000.000 đồng, hẹn đến ngày 21/12/2019 sẽ trả.

Lần 4: Ngày 05/12/2019, anh H, chị T vay 110.000.000 đồng, hẹn đến ngày 05/01/2020 sẽ trả

Lần 5: Ngày 04/5/2020, anh H, chị T vay 50.000.000 đồng, hẹn đến ngày 04/9/2020 sẽ trả

Lần 6: Ngày 20/7/2020, anh H, chị T vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/8/2020 sẽ trả.

Tổng cộng 06 lần vay là 310.000.000 đồng, khi vay các bên có làm giấy vay tiền, anh H, chị T có ký tên, điểm chỉ, có thỏa thuận tiền lãi là 1,5%/tháng, không thế chấp tài sản. Từ ngày vay cho đến nay, anh H, chị T chưa trả cho chị được khoản tiền gốc, lãi nào. Chị đã yêu cầu anh H, chị T trả tiền nhiều lần nhưng anh H chị T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện việc trả tiền. Đến cuối năm 2020, anh H, chị T bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay.

Nay, chị yêu cầu anh H, chị T trả số tiền vay gốc là 310.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trang, anh H là có căn cứ.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019 về lãi suất; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu V đối với chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H. Buộc chị T và anh H cùng có nghĩa vụ trả cho chị V số tiền vay gốc là 310.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử.

Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Công an xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Anh H, chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 9, ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, còn nơi cư trú cuối cùng của anh H, chị T là ở Tổ 1, ấp H, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện (chị Phan Thị Thu V) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú người bị kiện (chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H) địa chỉ được ghi trong các Giấy mượn tiền nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trong vụ án này người bị kiện (chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H) thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản mà không thông báo cho chị V biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật, xác định nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị T, anh H là ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và cư trú cuối cùng của anh H, chị T là ấp H, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị Phan Thị Thu V là nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V, chị T, anh H.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị Thu V khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H trả số tiền vay gốc là 310.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét yêu cầu trả số tiền 310.000.000 đồng của chị V thấy rằng: Anh H, chị T có vay của chị V 06 lần, mỗi lần vay tiền, chị T, anh H có làm giấy mượn tiền và ký tên. Căn cứ vào các giấy mượn tiền mà chị V cung cấp cho Tòa án đủ cơ sở xác định anh H, chị T có vay tiền của chị V. Đối với anh H, chị T đã bỏ địa phương đi, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm rõ số tiền vay. Số

tiền vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh H, chị T. Chị V cho rằng anh H, chị T cùng nhau vay tiền của chị và có ký tên và cung cấp được các chứng cứ thể hiện anh H, chị T vay tiền. Do đó, yêu cầu của chị V yêu cầu anh H, chị T cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay 310.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính tiền lãi của chị Vàng: Chị V yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi vay tiền giữa chị Vàng, anh H, chị T có thỏa thuận tiền lãi là 1,5%/tháng, có thỏa thuận thời gian trả nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Mức lãi suất 0,83% /tháng mà chị V yêu cầu là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Lần 1: Ngày 20/4/2019, vay 10.000.000 đồng đến ngày 05/02/2021 là 21 tháng 16 ngày x 0,83%/tháng = 1.787.266 đồng.

Lần 2: Ngày 20/10/2019, vay 100.000.000 đồng, đến ngày 05/02/2021 là 15 tháng 16 ngày x 0,83%/tháng = 12.892.666 đồng.

Lần 3: Ngày 21/11/2019, vay 30.000.000 đồng, đến ngày 05/02/2021 là 14 tháng 15 ngày x 0,83%/tháng = 3.610.500 đồng

Lần 4: Ngày 05/12/2019, vay 110.000.000 đồng, đến ngày 05/02/2021 là 14 tháng x 0,83%/tháng = 12.782.000 đồng

Lần 5: Ngày 04/5/2020, vay 50.000.000 đồng, đến ngày 05/02/2021 là 09 tháng 01 ngày x 0,83%/tháng = 3.748.833 đồng.

Lần 6: Ngày 20/7/2020, vay 10.000.000 đồng, đến ngày 05/02/2021 là 06 tháng 16 ngày x 0,83%/tháng = 542.266 đồng.

Tổng cộng là 35.363.531 đồng tiền lãi.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị V được chấp nhận nên anh H, chị T phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm; các Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu V đối với chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Thu V số tiền 345.363.531 (ba trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn

năm trăm ba mươi mốt) đồng. Trong đó, tiền gốc là 310.000.000 (ba trăm mười triệu) đồng, tiền lãi là 35.363.531 (ba mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm ba mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Phan Thị Thu V cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn Hiền phải chịu 17.268.000 (mười bảy triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị V số tiền 8.969.000 (tám triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị V đã nộp tại biên lai thu số 0001319 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: : Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan